

Bản án số: 299/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Minh Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Thị Mai Khanh

Bà Phan Thị Hồng Hoa

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Diễm D, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: 204B B.T, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Tấn T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: 204B B.T, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Bùi Thị Diễm D trình bày:*

Bà Bùi Thị Diễm D và ông Phạm Tấn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn ngày 03/6/2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyền số: 01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vài năm bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T1 là người có tính gia trưởng, ích kỷ, không muốn bà D có mối quan hệ với gia đình vợ; ông thường tụ tập nhậu nhẹt với bạn bè, sau đó còn về nhà kiểm chuyện cãi nhau, thậm chí đập phá đồ đạc và đánh bà. Bà D đã khuyên nhủ nhưng ông T1 không thay đổi nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Hơn nữa, ông T1 không tin tưởng bà D về chuyện tiền bạc, hàng tháng tiền lương của bà để dành lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, bà có nói ông T1 đưa bà tiền để đóng tiền học phí cho con nhưng ông T1 không tin tưởng đưa tiền cho bà mà ông T1 trực tiếp đem tiền lên trường để đóng cho con. Vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống gây gổ nhau nhiều hơn, ông T1 mỗi khi nhậu là chửi bới xúc phạm bà. Từ 02 năm nay, bà D đã mượn nhà trọ để sống

cùng con, vợ chồng đã ly thân. Sau khi Tòa án hòa giải thì bà D đã cho ông T1 thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng ông T1 vẫn không hề thay đổi tính tình. Nay do bản thân không còn tình cảm với ông T1 và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Phạm Thanh T2, sinh ngày 20/9/2005, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà D yêu cầu ông Thành cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi trẻ T2 trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là ông Phạm Tấn T1 trình bày:* Ông T1 và bà Bùi Thị Diễm D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2003, có 01 con chung đúng như lời trình bày của bà D.

Sau khi kết hôn cho đến nay vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, thỉnh thoảng ông có nhậu với bạn bè sau giờ làm, khoảng 1-2 lần/1 tuần chứ không thường xuyên. Ông T1 xác nhận, khi say xỉn ông có gây sự chửi bới, gây ảnh hưởng tình cảm vợ chồng nhưng ông không có đánh vợ. Từ 02 năm nay, bà D đã mướn nhà ở riêng, còn ông T1 ở tại chỗ làm. Hiện ông còn thương vợ nên không muốn ly hôn. Nay ông xin Tòa án cho ông thêm thời gian để ông hàn gắn tình cảm với bà D và bản thân sẽ sửa đổi tính tình, không nhậu nhẹt, không cãi nhau vợ, mong bà D cho ông T1 cơ hội để vợ chồng hàn gắn cùng chăm lo cho con. Trường hợp bà D kiên quyết ly hôn thì ông T1 cũng đồng ý ly hôn giải thoát cho bà D.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Phạm Thanh T2, sinh ngày 20/9/2005, trường hợp phải ly hôn thì ông T1 đồng ý giao con cho vợ và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi trẻ T2 trưởng thành.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Không có.

*Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; ghi nhận thỏa thuận của các đương sự về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Tấn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Bùi Thị Diễm D có đơn xin ly hôn ông T1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2005 ngày 03/6/2003 của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận F thì ông Phạm Tấn T1 và bà Bùi Thị Diễm D có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà D thì vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, tính tình gia trưởng, ích kỷ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, ông T1 thường xuyên xúc phạm thậm chí còn đánh vợ. Ngoài ra ông T1 không tin tưởng vợ về chuyện tiền bạc nên vợ chồng bất đồng, không còn quan tâm chia sẻ, đã ly thân 02 năm nay.

Phía ông T1 xác nhận, khi say xỉn ông có gây sự chửi bới, gây ảnh hưởng tình cảm vợ chồng nhưng ông không có đánh vợ. Hiện ông còn thương vợ nên không muốn ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nhưng ở đây đôi bên không có sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau để vun đắp cho cuộc sống gia đình, phía ông T1 cho rằng còn thương vợ nhưng ông không có một sự thay đổi nào để giúp cho cuộc sống vợ chồng trở nên tốt đẹp, bền vững hơn, từ 02 năm nay đã không còn chung sống. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Nay bà D xin được ly hôn ông T1, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Thành cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng cho đến khi trẻ trưởng thành. Phía ông T1 đồng ý giao bà D trực tiếp nuôi con chung và ông cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/ tháng cho đến khi trẻ trưởng thành. Thời gian thực hiện cấp dưỡng là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ trưởng thành.

Như vậy, ông Thành và bà D đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận của các đương sự là do hai bên tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T1 xác định không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà Bùi Thị Diễm D phải chịu án phí DSST theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27; Ông Phạm Tấn Thành phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 19, 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Điểm b khoản 1 Điều 13 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

### TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Diễm D đối với ông Phạm Tấn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2005 ngày 03/6/2003 của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Tấn T1 và bà Bùi Thị Diễm D không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung:

a/ Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

- Bà Bùi Thị Diễm D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Thanh T2, sinh ngày 20/9/2005.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Phạm Tấn T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ trưởng thành.

b/ Ông Phạm Tấn T1 có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

c/ Kể từ ngày bà Bùi Thị Diễm D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tấn T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T1 còn phải trả lãi cho bà D với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp.

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Diễm D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 00111741 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Ông Phạm Tấn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- UBND P4, Q6 TP HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Minh Châu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 2022

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận 6.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Diễm D, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: 204B Bình Tiên, Phường 04, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Tấn Thành, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: 204B Bình Tiên, Phường 04, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Các T viên HĐXX thống nhất 3/3 (100%) về những vấn đề sau:

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 19, 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Điểm b khoản 1 Điều 13 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

#### TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Diễm D đối với ông Phạm Tấn Thành.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2005 ngày 03/6/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 04, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Tấn Thành và bà Bùi Thị Diễm D không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung:

a/ Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

- Bà Bùi Thị Diễm D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Thanh T2, sinh ngày 20/9/2005.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Phạm Tấn Thành cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ trưởng T.

- Ông Phạm Tấn Thành có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa T niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

b/ Kể từ ngày bà Bùi Thị Diễm D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tấn Thành không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Thành còn phải trả lãi cho bà D với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Diễm D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 00111741 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Ông Phạm Tấn Thành phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút.....ngày.....tháng..... năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

**T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

